

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 29.6.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 6 - LE 4.16

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H62517850200000001	TRAN THI HOANG	女	1996-09-07	035196009581	LE 4.16	
2	H62517850200000002	NGUYEN THI THUY LINH	女	1997-05-11	019197005218	LE 4.16	
3	H62517850200000003	CHAU THI LAN ANH	女	2002-11-23	008302005368	LE 4.16	
4	H62517850200000004	LE THI HONG	女	2002-03-08	038302018900	LE 4.16	
5	H62517850200000005	VU PHUONG THAO	女	1997-08-17	017197009013	LE 4.16	
6	H62517850200000006	TA DINH DOAN	男	1998-07-06	001098030845	LE 4.16	
7	H62517850200000007	NGUYEN QUYNH HOA	女	1991-12-16	022191005590	LE 4.16	
8	H62517850200000008	NGUYEN HONG NHUNG	女	2008-04-10	015308008120	LE 4.16	
9	H62517850200000009	NGO VAN CHIEN	男	2000-04-04	020200002943	LE 4.16	
10	H62517850200000010	NGUYEN MAI LINH	女	2007-07-06	010307001646	LE 4.16	
11	H62517850200000011	HA ANH THUAN	男	1993-08-06	019093006776	LE 4.16	
12	H62517850200000012	LAI PHUONG ANH	女	2003-06-03	022303005117	LE 4.16	
13	H62517850200000013	DIEP THI YEN	女	1995-08-10	024195007400	LE 4.16	